

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 780/TTr-SNN ngày 26/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này gồm:

1. Công bố Danh mục 03 thủ tục hành chính được thay thế và 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 22/11/2017, Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 (kèm theo danh mục).



2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau (kèm theo quy trình).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

1. Thay thế Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau.

2. Thay thế 05 thủ tục hành chính cấp tỉnh (STT: 13, 14, 15, 16, 17) tại phần Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích và thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) tổ chức thực hiện:

a) Công khai quy trình đã được phê duyệt tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

b) Không công khai quy trình nội bộ, liên thông và điện tử đối với 05 thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 và công bố tại Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 22/11/2017, Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 03/4/2018.

c) Hoàn thành xong các công việc nêu trên, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VIC);
- Cục KSTTHC, VPCP (CSDLQGTTTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Sở Thông tin và Truyền thông (VIC);
- Các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (VIC);
- Phòng: NNTN, CCHC (Đời 156, VIC);
- Lưu: VT.



**Lê Văn Sử**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ THAY THẾ/BÃI BỎ TRONG LĨNH  
VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



Số TT	Số hồ sơ TTHC <sup>1</sup>	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định thay thế/bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I. Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 22/11/2017</b>			
1.	CMU-290496	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
<b>II. Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 03/4/2018</b>			
2.	CMU-291001	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
3.	CMU-291002	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	
4.	CMU-291003	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
5.	CMU-291004	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	

**Tổng số danh mục có 05 thủ tục hành chính./.**

<sup>1</sup> Số hồ sơ thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.








**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CÀ MAU**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau*

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), sau đây viết tắt cách thức thực hiện, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính là “Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh”.</p> <p>2. Hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, đăng ký tại địa chỉ website <a href="https://dangky.dichvucong.gov.vn/register">https://dangky.dichvucong.gov.vn/register</a> hoặc Trang Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <a href="http://dvcvt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh">http://dvcvt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh</a>, nếu đủ điều kiện và có giá trị như nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, sau đây viết tắt là “Trực tuyến”.</p> <p>3. Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.</li><li>- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</li></ul>						
1.	Cấp Giấy chứng	Trong thời hạn 08 ngày làm việc (cắt giảm 05/13 ngày,	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp:	500.000 đồng	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ

		<p>nhận đủ lệ cắt giảm 38,46%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian khắc phục, nếu có của tổ chức cá nhân).</p>	<p>(bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</li> <li>- Trực tuyến (cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3).</li> </ul>	<p>Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>		<p>19/11/2018 của Quốc Hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</li> </ul>	<p>tục hành chính được kết nối, tích hợp theo mã thủ tục “1.007931” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
2.	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân</p>	<p>- Đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán làm việc (cắt giảm 05/13 ngày, tỷ lệ cắt giảm 38,46%), kể từ ngày nhận đủ</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua đường bưu</li> </ul>	<p>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông</li> </ul>	<p>200.000 đồng</p>	<p>- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa</li> </ul>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục hành chính được kết nối, tích hợp theo mã thủ tục “1.007932” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>

		<p>hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian khắc phục, nếu có của tổ chức, cá nhân).</p> <p>- Đối với trường hợp Cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>điện (bưu chính công ích);</p> <p>- Trực tuyến (cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3).</p>	<p>ng nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>		<p>đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p>	
3.	<p>Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón</p>	<p>Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian khắc phục,</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:</p>	<p>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</p> <p>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Trồng trọt và</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội;</p> <p>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</p>	<p>Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục hành chính được kết nối, tích hợp theo mã thủ tục "1.007933" trên</p>



	hiệu quả của tổ chức, (cá nhân).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);</li> <li>- Trực tuyến (cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4).</li> </ul>	Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.			Công Dịch công quốc g
--	-------------------------------------	---	---	--	--	--------------------------

**Tổng số danh mục có 03 thủ tục hành chính./.**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>03</b>	<b>0</b>	<b>03</b>	<b>0</b>
*	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>				
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X		X	
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X		X	
3.	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	X		X	

**Tổng số danh mục có 03 thủ tục hành chính./.**



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG VÀ ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ  
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I.1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa**

**1. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật**

**1.1. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón**

a) Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	↘	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	↘	Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ	↘	Phòng Trồng trọt	05 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	↘	Phòng Trồng trọt	01 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phê duyệt	↘	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	↘	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0,25 ngày làm việc
7.	Trả kết quả	↘	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

## 1.2. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

### 1.2.1. Đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón

- a) Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  
b) Quy trình:


Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	↙	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	↙	Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ	↙	Phòng Trồng trọt	05 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	↙	Phòng Trồng trọt	01 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phê duyệt	↙	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	01 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	↙	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0,25 ngày làm việc
7.	Trả kết quả	↙	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

### 1.2.2. Đối với trường hợp Cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên giấy chứng nhận

- a) Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  
b) Quy trình:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	↙	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc





2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	↘	Phòng Trồng trọt	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ	↘	Phòng Trồng trọt	1,5 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng xem, xét, trình ký	↘	Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phê duyệt	↘	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0,25 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	↘	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0,25 ngày làm việc
7.	Trả kết quả	↘	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày


### 1.3. Thủ tục: Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón

a) Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	↘	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	↘	Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ	↘	Phòng Trồng trọt	02 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	↘	Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phê duyệt	↘	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0,5 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	↘	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0,25 ngày làm việc



7.		<div> <div>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả</div> <div>→</div> </div>	<div> <div>Không tính ngày</div> <div>→</div> </div>
----	---	---	--

*\* Lưu ý: Để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi.*

**Tổng số có 03 quy trình được phê duyệt./.**